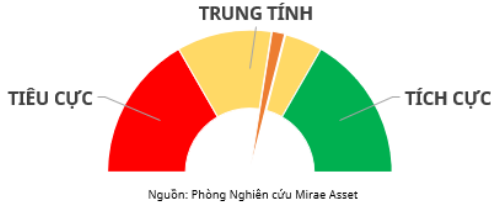


10 Tháng 08, 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,256.50	-0.2	7.3	-7.8
HNX	303.54	0.7	9.3	-9.4
UPCOM	93.11	0.3	7.1	2.8
MSCI EM	1,001.69	0.0	0.2	-23.0
NIKKEI	27,819.33	-0.6	4.9	-0.2
HANG SENG	19,595.48	-2.0	-9.8	-26.3
KOSPI	2,480.88	-0.9	5.5	-23.5
FTSE	7,480.85	-0.1	4.0	4.5
S&P 500	4,122.47	-0.4	5.7	-7.1
NASDAQ	12,493.93	-1.2	7.4	-15.5

Nhận định thị trường

Giảng co đi ngang

VN-Index có phiên giảm điểm thứ 2 liên tiếp sau chuỗi tăng điểm trước đó. Diễn biến giảng co mạnh khiến chỉ số này liên tục đổi chiều, Thế nhưng áp lực bán có phần chiếm ưu thế hơn về cuối phiên khiến chỉ số này đóng cửa giảm điểm. Kết phiên, VN-Index giảm nhẹ gần 2,4 điểm, tương ứng với 0,2% và dừng chân tại 1,256 điểm. Thanh khoản khớp lệnh sàn HOSE sụt giảm 11% so với phiên trước, dừng tại 584 triệu đơn vị, tương ứng với 12,692 tỷ về mặt giá trị.

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.4	2.1	15.5
Indonesia	15.5	2.2	13.3
Philippines	18.0	1.7	9.8
Malaysia	16.8	1.5	8.7
Thailand	17.1	1.6	9.2

Nhóm cổ phiếu Bất động sản có diễn biến vượt trội trên sàn với nhiều mã tăng mạnh trên 5% như: AGG, ICG, KHG, L14, LHG, NRC, TDC... Riêng BII, IJC và DXS đóng cửa với sắc tím. Bên cạnh đó, nhóm Khai khoáng cũng có nhiều mã tăng ấn tượng như BMC (+7%) và TNT (+7%). Ngược chiều, nhóm Ngân hàng chịu áp lực chốt lời mạnh khi có tới 18 mã giảm trên tổng số 20 mã niêm yết. Trong đó, nhóm giảm mạnh nhất là STB (-1,4%); SHB (-1,3%) và LPB (1,3%).

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.1	-5	72	213
10 năm	3.6	1	33	148

Khối ngoại chuyển sang mua ròng nhẹ với tổng giá trị hơn 50 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu ở chiều mua ròng là HDB với 26 tỷ và vị trí thứ 2 là PVD với gần 12 tỷ. Ở chiều ngược lại, VNM VÀ DPM bị bán ròng mạnh với giá trị lần lượt 13 tỷ và 11 tỷ.

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,387	0.0	-0.2	-2.1
US\$/KRW	1,310.5	-0.5	-0.5	-12.3
US\$/JPY	135.0	0.0	1.8	-18.1
US\$/EUR	1.0	0.1	-1.6	14.9
US\$/GBP	0.8	0.0	-1.6	14.5
US\$/SGD	1.4	0.0	2.0	-1.4

Với diễn biến giảm điểm 2 phiên liên tiếp khiến cho điểm số đánh giá sức mạnh kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index giảm từ +3 điểm xuống còn +2 điểm, và vẫn giữ trạng thái đánh giá trong ngắn hạn là TRUNG TÍNH. Hệ số P/E của VN-Index đạt 13,4x.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

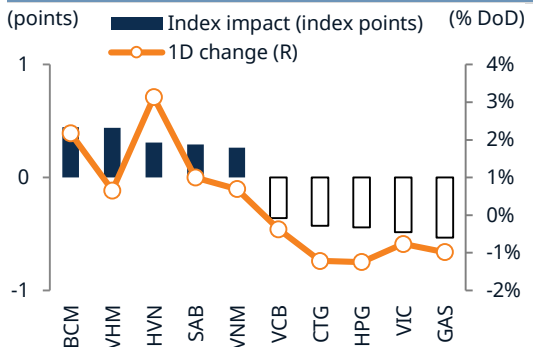
Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	607	500	897
HNX	69	59	116
UPCOM	33	31	70

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

Các cổ phiếu tác động VN-Index



(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIỂU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (10/08/2022)	1.256.5	Kháng cự 1	1.250
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.220
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.170

VN-Index tiếp tục đi ngang và tích lũy trước khi chạm tới những ngưỡng kháng cự cao hơn.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

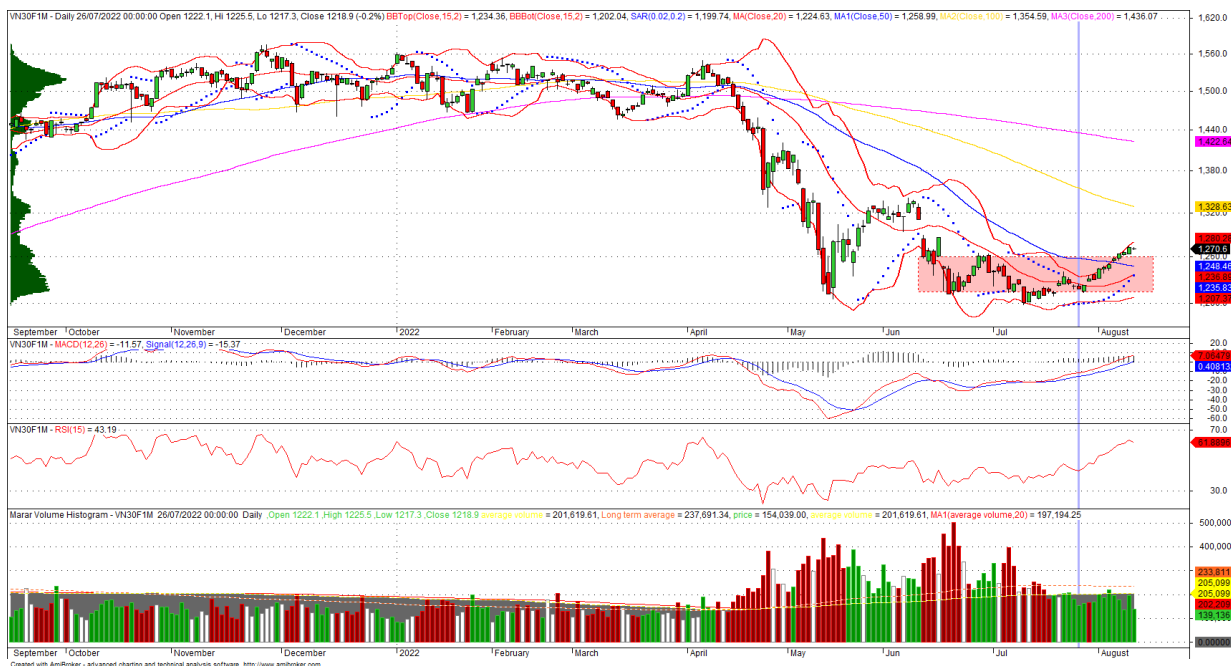
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (10/08/2022)	1.270.6	Kháng cự 1	1.260
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.300
VN30 - đóng cửa	1.277	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-6,55	Hỗ trợ 2	1.180

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-3	TRUN TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	2	KHẢ QUAN

Đà tăng có phần chững lại và chịu áp lực điều chỉnh trước khi chinh phục thêm những kháng cự cao hơn

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
NVL	Bất động sản	83,200	2,189,035	99	4	
IJC	Bất động sản	22,100	1,516,335	97	5	
TCL	Kho bãi, hậu cần	40,600	58,700	95	5	
VPB	Ngân hàng	30,100	11,431,87	94	4	
PVD	Dầu khí	18,800	6,359,825	90	5	
PVT	Vận tải Thủy	21,200	1,948,785	76	5	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
PNJ	116.5	564,895	6	KHẢ QUAN	28,236	21.9	3.5	66
CEO	36.3	6,638,030	5	KHẢ QUAN	9,341	37.4	3.1	241
PVS	25.3	6,668,800	5	KHẢ QUAN	12,093	22.7	1.0	169
HBC	22.1	5,751,035	5	KHẢ QUAN	5,429	54.2	1.4	127
CII	22.55	5,435,765	5	KHẢ QUAN	5,687	18.0	1.0	123
PVD	18.8	6,359,825	5	KHẢ QUAN	10,451	#N/A N/A	0.8	120
AAA	13	5,386,765	5	KHẢ QUAN	4,970	14.1	0.9	70
SCR	12.85	5,370,355	5	KHẢ QUAN	4,708	35.8	1.0	69
LCG	12.1	4,766,710	5	KHẢ QUAN	2,295	12.2	0.9	58
HQC	5.4	9,735,755	5	KHẢ QUAN	2,574	317.1	0.6	53
LDG	11.3	4,072,810	5	KHẢ QUAN	2,706	19.0	0.8	46
PVT	21.2	1,948,785	5	KHẢ QUAN	6,861	10.6	1.2	41
HHV	15.65	2,223,440	5	KHẢ QUAN	4,185	14.2	0.6	35
MIG	25.05	1,343,100	5	KHẢ QUAN	4,119	21.1	2.0	34
IJC	22.1	1,516,335	5	KHẢ QUAN	4,798	9.8	1.3	34
HPG	23.8	28,939,124	4	KHẢ QUAN	138,392	5.0	1.4	689
VND	22.2	23,374,830	4	KHẢ QUAN	27,036	6.7	1.9	519
VPB	30.1	11,431,870	4	KHẢ QUAN	133,809	8.0	1.5	344
NKG	21.5	10,340,660	4	KHẢ QUAN	5,660	3.0	0.9	222
NVL	83.2	2,189,035	4	KHẢ QUAN	162,226	50.4	4.4	182
FRT	78.6	1,601,770	4	KHẢ QUAN	9,312	15.7	5.1	126
REE	80.6	1,059,890	4	KHẢ QUAN	28,645	12.2	2.0	85
BCG	17.2	4,926,025	4	KHẢ QUAN	8,657	9.1	1.2	85
VHC	83.7	883,960	4	KHẢ QUAN	15,349	7.5	2.1	74
ANV	48.6	1,282,630	4	KHẢ QUAN	6,178	12.7	2.2	62
GMD	52	1,099,075	4	KHẢ QUAN	15,672	19.2	2.3	57
TNG	28.1	2,014,105	4	KHẢ QUAN	2,813	9.7	1.9	57
IDI	20.65	2,738,650	4	KHẢ QUAN	4,701	9.1	1.4	57

HDB	25.05	1,708,420	4	KHẢ QUAN	50,406	7.2	1.5	43
PAN	24.3	1,451,540	4	KHẢ QUAN	5,076	13.1	1.2	35
VOS	18	1,829,390	4	KHẢ QUAN	2,520	4.3	1.9	33
DIG	42.1	8,523,265	3	TRUNG TÍNH	25,675	23.9	3.4	359
DXG	28	9,831,515	3	TRUNG TÍNH	17,011	22.9	1.8	275
VCI	47.7	5,099,030	3	TRUNG TÍNH	15,980	10.5	2.2	243
MWG	63.6	3,154,770	3	TRUNG TÍNH	93,092	18.9	4.2	201
HSG	20.9	8,565,735	3	TRUNG TÍNH	10,416	5.0	0.9	179
HNG	6.96	15,287,280	3	TRUNG TÍNH	7,716	#N/A N/A	2.7	106
VCG	23.9	4,026,615	3	TRUNG TÍNH	11,613	10.5	1.5	96
HDC	49.2	1,559,205	3	TRUNG TÍNH	5,318	16.0	3.3	77
TCH	12.6	4,420,795	3	TRUNG TÍNH	8,420	18.7	0.9	56
SZC	53.9	948,720	3	TRUNG TÍNH	5,390	19.5	3.8	51
DPG	48.8	906,205	3	TRUNG TÍNH	3,074	8.3	2.0	44
SSI	24.55	20,732,516	2	TRUNG TÍNH	36,583	9.1	1.7	509
BSR	25	10,433,955	2	TRUNG TÍNH	77,512	11.9	2.1	261
GEX	24.3	9,452,995	2	TRUNG TÍNH	20,691	28.6	1.6	230
MBB	27.2	7,706,480	2	TRUNG TÍNH	102,770	6.5	1.5	210
SHS	14.5	13,606,270	2	TRUNG TÍNH	11,791	9.5	1.3	197
TCB	38.8	4,277,660	2	TRUNG TÍNH	136,223	6.7	1.3	166
POW	13.95	11,722,910	2	TRUNG TÍNH	32,669	20.7	1.1	164
FPT	86	1,711,490	2	TRUNG TÍNH	94,344	19.0	4.8	147
DPM	47.5	2,858,480	2	TRUNG TÍNH	18,588	3.7	1.5	136
VHM	61.3	2,141,440	2	TRUNG TÍNH	266,923	9.5	2.2	131
HUT	30.8	4,196,140	2	TRUNG TÍNH	10,738	40.8	2.7	129
DCM	32.35	3,924,555	2	TRUNG TÍNH	17,126	4.6	1.7	127
VIX	13.3	7,662,565	2	TRUNG TÍNH	7,304	6.5	1.2	102
HAH	69	1,227,920	2	TRUNG TÍNH	4,712	7.5	2.5	85
NLG	43	1,843,525	2	TRUNG TÍNH	16,466	21.0	1.9	79
VPI	65.5	1,126,265	2	TRUNG TÍNH	14,410	24.2	4.4	74
ITA	8.21	8,160,405	2	TRUNG TÍNH	7,704	24.1	0.7	67
GAS	110.9	603,015	2	TRUNG TÍNH	212,257	16.5	3.6	67
BID	38.4	1,670,625	2	TRUNG TÍNH	194,247	14.9	2.1	64
CTD	63.3	844,850	2	TRUNG TÍNH	4,675	#N/A N/A	0.6	53
ASM	16.3	2,996,675	2	TRUNG TÍNH	5,485	6.6	1.0	49
FCN	16.5	2,926,165	2	TRUNG TÍNH	2,598	84.6	1.0	48
MBS	24.7	1,908,020	2	TRUNG TÍNH	6,609	9.8	1.8	47
GVR	25.05	1,775,835	2	TRUNG TÍNH	100,200	21.3	2.0	44
FTS	35.25	1,181,140	2	TRUNG TÍNH	6,762	8.8	2.1	42
PLX	41.95	862,975	2	TRUNG TÍNH	53,301	81.6	2.3	36
DGW	62.8	573,870	2	TRUNG TÍNH	10,241	13.9	4.8	36
SBT	18.75	1,834,515	2	TRUNG TÍNH	11,797	13.6	1.4	34
APS	17.2	1,924,950	2	TRUNG TÍNH	1,428	5.8	1.0	33
DGC	93.5	2,360,100	0	TRUNG TÍNH	34,711	7.5	3.8	221
KDC	68.5	1,252,915	0	TRUNG TÍNH	17,236	30.7	2.6	86
VCB	80.5	1,059,540	0	TRUNG TÍNH	380,968	#N/A N/A	#N/A N/A	85
ACB	24.85	2,956,025	0	TRUNG TÍNH	83,929	7.1	1.6	73
BVH	57.5	1,214,365	0	TRUNG TÍNH	42,684	24.2	1.9	70

VJC	125.4	508,155	0	TRUNG TÍNH	67,918	180.4	3.9	64
TPB	28.3	2,130,175	0	TRUNG TÍNH	44,764	8.1	1.5	60
PC1	38.8	1,467,175	0	TRUNG TÍNH	9,124	18.7	1.9	57
PHR	69.3	628,145	0	TRUNG TÍNH	9,390	14.2	2.9	44
KSB	29.15	1,453,730	0	TRUNG TÍNH	2,224	11.4	1.2	42
VRE	28.4	1,430,420	0	TRUNG TÍNH	64,534	49.8	2.0	41
NT2	26.6	1,334,685	0	TRUNG TÍNH	7,658	8.5	1.7	36
STB	24.9	13,981,710	-2	TRUNG TÍNH	46,942	13.1	1.3	348
HAG	11.7	22,403,940	-2	TRUNG TÍNH	10,851	15.3	2.4	262
HCM	27.3	8,275,385	-2	TRUNG TÍNH	12,482	10.8	1.6	226
KBC	37.8	5,755,250	-2	TRUNG TÍNH	29,015	11.6	1.7	218
SHB	15	12,790,255	-2	TRUNG TÍNH	40,003	5.5	1.0	192
IDC	63.4	2,315,960	-2	TRUNG TÍNH	20,922	10.5	3.9	147
CTG	28.45	4,467,245	-2	TRUNG TÍNH	136,724	9.3	1.3	127
HDG	52.3	1,661,495	-2	TRUNG TÍNH	12,793	9.2	2.6	87
PDR	53.7	1,584,665	-2	TRUNG TÍNH	36,067	17.2	4.7	85
VIC	64.8	1,044,920	-2	TRUNG TÍNH	247,143	#N/A N/A	2.4	68
KDH	38.75	845,180	-2	TRUNG TÍNH	27,777	22.1	2.6	33
DBC	24.95	6,354,590	-4	TIÊU CỰC	6,038	22.1	1.3	159
VNM	72.5	1,713,630	-4	TIÊU CỰC	151,522	17.9	4.4	124
LPB	15.35	7,426,000	-4	TIÊU CỰC	23,080	4.8	1.0	114
VGC	59	1,164,875	-4	TIÊU CỰC	26,453	13.6	3.4	69
MSN	105.8	800,640	-6	TIÊU CỰC	150,630	14.8	5.2	85
VIB	26	2,063,670	-6	TIÊU CỰC	54,799	7.6	1.9	54

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Lạm phát Trung Quốc cao nhất

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Trung Quốc tăng trong tháng 7 lên ngưỡng cao nhất hai năm, phần lớn là do giá thịt lợn leo thang. Tuy nhiên, đà tăng này phần nào bị hạn chế trong bối cảnh chi tiêu tiêu dùng của người dân và doanh nghiệp thấp. Theo đó, CPI tháng 7 của Trung Quốc tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2021, giá thịt lợn trong tháng tăng 20,2%, theo dữ liệu từ Cục Thống kê quốc gia. Số liệu thực tế thấp hơn dự báo trung bình tăng 2,9% của Bloomberg nhưng cao hơn so với mức tăng 2,5% trong tháng trước đó. Trong khi đó, chỉ số giá sản xuất tăng chậm lại từ 6,1% trong tháng 6 còn 4,2% trong tháng 7 do giá cả hàng hóa đang trong xu hướng giảm. Lạm phát cao hơn trong tháng 7 là do giá thịt lợn, rau quả tươi và nhiều loại thực phẩm khác đi lên, bên cạnh đó là một loạt các yếu tố mùa vụ khác, cơ quan thống kê Trung Quốc chia sẻ. Tháng vừa qua, giá thực phẩm nói chung tăng 6,3%, trong khi đó, giá thịt lợn, mặt hàng quan trọng trong giỏ hàng hóa tính lạm phát của Trung Quốc, ghi nhận mức tăng vọt năm lần đầu tiên kể từ tháng 9/2020. Giá hoa quả và rau tươi tăng lần lượt 16,9% và 12,9% so với cùng kỳ năm 2021. Nếu không bao gồm chi phí thực phẩm và năng lượng, CPI trong tháng vừa qua chỉ tăng 0,8%, phản ánh áp lực lạm phát từ nhu cầu thị trường không lớn, một trong những lực cản đối với kinh tế Trung Quốc thời gian gần đây.

PVI báo lãi ròng quý II giảm 28% so với cùng kỳ

Bảo hiểm PVI ([HNX: PVI](#)) vừa ghi nhận kết quả kinh doanh quý II với tổng doanh thu 3.115 tỷ đồng, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu từ phí bảo hiểm gốc là 2.232 tỷ đồng, tăng 7%; doanh thu từ thu phí nhận tái bảo hiểm là 515,1 tỷ đồng, tăng 78,6% còn hoa hồng nhượng tái bảo hiểm là 214,7 tỷ đồng, tăng 23,4%. Sau khi trừ đi các khoản phí nhượng bảo hiểm và tăng dự phòng phí là 1.535 tỷ đồng, doanh thu thuần của PVI là 1.579 tỷ đồng, tăng 26,2% so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán tăng mạnh hơn với mức 39,4% lên 1.341 tỷ đồng khiến biên lãi gộp giảm từ 23,2% còn 15%. Doanh thu tài chính tăng 15,6% lên 211,4 tỷ đồng nhờ lãi đầu tư trái phiếu và lãi chênh lệch tỷ giá tăng. Chi phí tài chính gấp 2,5 lần lên 48,3 tỷ đồng do lỗ chênh lệch tỷ giá tăng, ngoài ra chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 34,4%. Kết quả, đơn vị này thu về 200,4 tỷ đồng lãi sau thuế, giảm 26,4% so với đầu năm. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 188,7 tỷ đồng, giảm 28%; EPS giảm từ 1.112 đồng về 771 đồng do công ty đã bán 10,7 triệu cổ phiếu quỹ trong thời gian qua.

IDC: chốt quyền tạm ứng cổ tức 2022 bằng tiền tỷ lệ 20%

Tổng công ty Idico ([HNX: IDC](#)) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua triển khai tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2022 cho cổ đông tỷ lệ 20%, 1 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng. Ngày 22/8 là ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông tiến hành chi trả. Trước đó, Idico vừa phát hành gần 30 triệu cổ phiếu trả cổ tức 2021 để nâng số lượng cổ phiếu sau phát hành lên 330 triệu đơn vị. Do vậy, doanh nghiệp dự chi khoảng 660 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt này. Ngày thanh toán 6/9. Theo kế hoạch đã được thông qua tại kỳ họp ĐHCĐ thường niên 2022, cổ tức năm nay được chia ở tỷ lệ 40%, tương đương mức chia năm trước. Về hoạt động kinh

doanh, quý I, doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp ghi nhận doanh thu thuần 3.307 tỷ đồng, tăng 162% so với cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 1.426 tỷ đồng, gấp 6 lần. Công ty lý giải kết quả kinh doanh khả quan nhờ ghi nhận doanh thu từ các dự án khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng và Hựu Thạnh.

SVC: phát hành hơn 33 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông tỷ lệ 1:1

Nghị quyết HĐQT Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico, [HoSE: SVC](#)) vừa thông qua việc phát hành 33,3 triệu cổ phiếu để thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1. Về nguồn vốn thực hiện, công ty sẽ trích 230 tỷ đồng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần trên BCTC riêng năm 2021 và 103,1 tỷ đồng từ nguồn LNST chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2021. Tổng giá trị theo mệnh giá là 333,1 tỷ đồng, qua đó nâng vốn điều lệ của đơn vị này lên 666,2 tỷ đồng. Kết thúc phiên giao dịch ngày 9/8, cổ phiếu SVC có giá là 95.100 đồng/cp, giảm 9% so với đầu năm. Tuy thị giá cao nhưng thanh khoản của mã này chỉ ở mức thấp với khối lượng vài trăm cổ phiếu trong một phiên. Savico là một công ty phân phối xe ô tô của nhiều hãng như Toyota, Ford... có mạng lưới phân phối ô tô trải dài từ Bắc vào Nam với hơn 70 showroom và phân phối 11 hãng xe tại Việt Nam. Tính đến cuối năm 2021, đơn vị này đang nắm giữ hơn 11,2% thị phần bán xe ô tô tại Việt Nam (theo số liệu VAMA). Bên cạnh đó, Savico còn sở hữu nhiều bất động sản tại các vị trí đắc địa ở các thành phố lớn như TP HCM, Hà Nội, Đà Nẵng... như dự án trung tâm Savico Megamall 4,6 ha tại số 7-9 Nguyễn Văn Linh (Long Biên, Hà Nội), Toyota Giải Phóng, Toyota Long Biên và một số showroom tại các tỉnh thành phía Bắc. Hiện nay, SVC Holdings đang là cổ đông lớn nhất của Savico khi nắm giữ 53,5% cổ phần của Savico. Đầu năm nay, CTCP Tasco ([HNX: HUT](#)) đã lên kế hoạch thu mua Savico thông qua SVC Holdings khi dự kiến phát hành 543,8 triệu cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phần của 21 cổ đông SVC Holdings với tỷ lệ 1:1.

PC1 huy động 1.200 tỷ đồng trái phiếu sau 4 tháng

Xây lắp điện 1 ([HoSE: PC1](#)) vừa hoàn tất phát hành 9.000 trái phiếu mã PC1H2227002 với mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu. Lô trái phiếu trên có kỳ hạn 5 năm, ngày đáo hạn là 19/5/2027 với tổng giá trị 900 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo là cổ phiếu của tổ chức phát hành thuộc sở hữu của bên thứ 3. Lãi suất đối với 2 kỳ đầu tiên 10%/năm, sau đó là lãi suất tham chiếu +3,5%. Trước đó vào cuối tháng 3, công ty này cũng đã huy động thành công 300 tỷ đồng trái phiếu với cùng kỳ hạn 5 năm. Như vậy trong vòng 4 tháng, công ty đã phát hành tổng cộng 1.200 tỷ đồng trái phiếu. Tập đoàn PC1 được thành lập năm 1963 và chính thức cổ phần hóa vào năm 2005. Đơn vị hiện hoạt động trong lĩnh vực xây lắp điện, bên cạnh đó là sản xuất công nghiệp, đầu tư năng lượng, đầu tư bất động sản, tư vấn và dịch vụ. Tại thời điểm 30/6, nợ vay tài chính của PC1 ở mức 10.669 tỷ đồng, tăng 18,4% so với đầu năm trong đó 73,5% là nợ vay dài hạn. Dư nợ trái phiếu là 957 tỷ đồng, dư nợ ngân hàng là 7.287 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu ở mức 1,64. Về kết quả kinh doanh quý II của PC1, đơn vị ghi nhận doanh thu thuần quý II đạt 1.518 tỷ đồng, giảm phân nửa so với cùng kỳ năm trước. Công ty bị giảm mạnh doanh thu ở mảng xây dựng và thiết bị ngành điện từ 2.082 tỷ đồng xuống 646 tỷ đồng, hoạt động sản xuất công nghiệp cũng giảm từ 198 tỷ xuống 92,6 tỷ đồng, bán hàng hóa

và vật tư giảm từ 506 tỷ đồng xuống 281 tỷ đồng. Riêng lĩnh vực điện tăng mạnh doanh thu từ 195 tỷ đồng lên 465 tỷ đồng.

POW: Doanh thu tháng 7 giảm 4% so với cùng kỳ

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power, [HoSE: POW](#)) vừa công bố ước tính doanh thu tháng 7 đạt 2.210 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ năm ngoái và vượt 22% kế đã đề ra trước đó. Lũy kế 7 tháng, tổng doanh thu của PV Power là 16.672 tỷ đồng, giảm 5,7% so với 7 tháng đầu năm 2021. Như vậy đơn vị đã hoàn thành 69% kế hoạch doanh thu. Xét về cơ cấu doanh thu, nhà máy Nhơn Trạch 2 là đơn vị đóng góp nhiều nhất với doanh thu 843 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 38,1%. Nhà máy điện Cà Mau 1&2 đứng ở vị trí tiếp theo khi đạt doanh thu gần 600 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 27,2%. Theo lãnh đạo của PV Power, tháng 7 là thời điểm đầu mùa lũ các hồ thủy điện miền Bắc. Giá thị trường trung bình nửa đầu tháng là khoảng 1.192 đồng/kWh, cao hơn so với năm 2021 (1.017 đồng/kWh), 2020 (907 đồng/kWh) và xấp xỉ năm 2019 (1.221 đồng/kWh). Về tình hình sản xuất kinh doanh của các nhà máy, nhà máy Cà Mau 1 đã đại tu từ ngày 19/6 (dự kiến đến 03/9 hoàn thành). Do khả năng cấp khí của PV Gas hạn chế nên Cà Mau 1&2 chỉ có thể vận hành một hoặc hai tổ máy của Cà Mau 2 chạy theo sát sản lượng điện Hợp đồng (Qc).

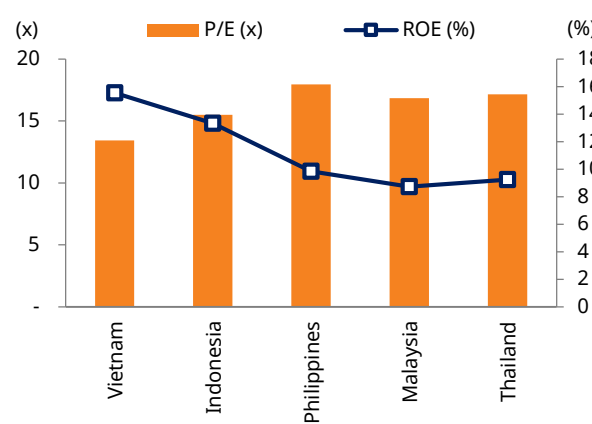
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử



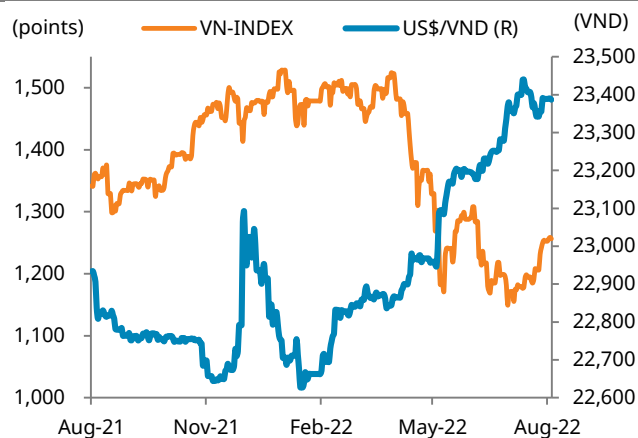
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường



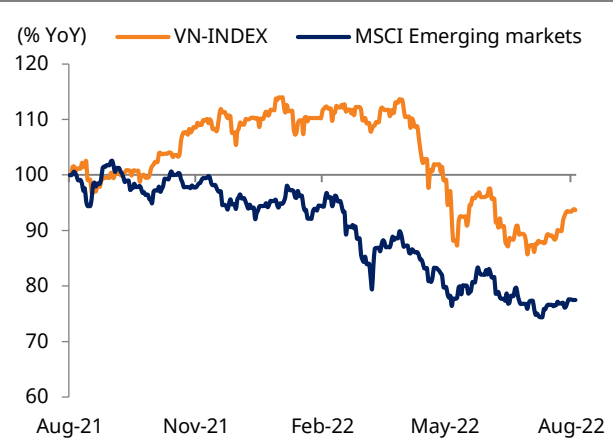
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND



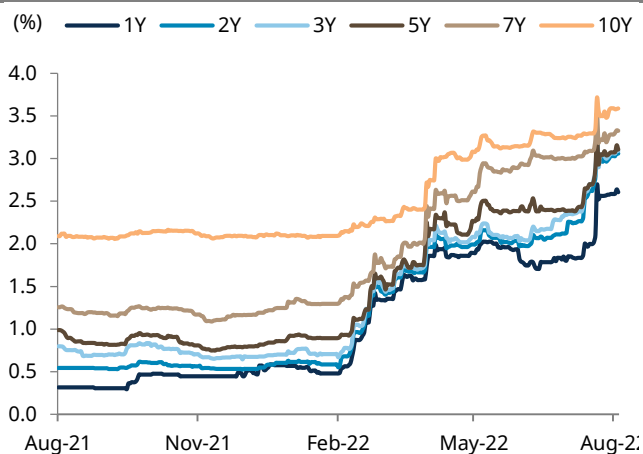
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets



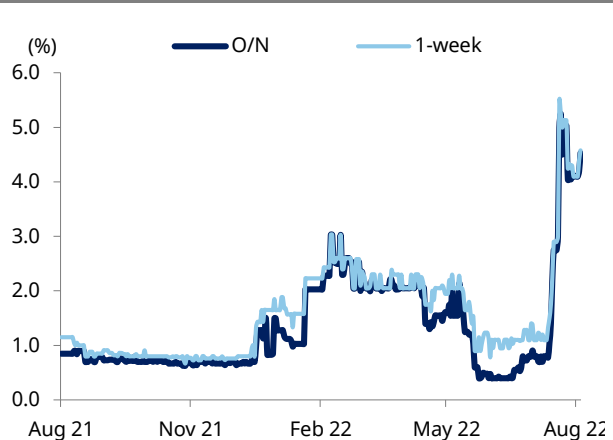
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,256.50	5,002,757		-0.2	0.3	7.3	-7.8	14.5	12.0	2.2	2.0	35.3	21.1	15.5	18.8
VN30 Index	VN30	1,277.15	3,472,955		-0.3	0.4	3.7	-14.5	12.0	10.5	2.3	1.8	38.5	14.4	19.6	21.3
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,850	83,929	30.0	-0.4	0.0	3.5	-14.9	8.9	6.8	1.9	1.5	24.6	31.0	23.5	24.8
BIDV	BID VN	38,400	194,247	16.9	-0.6	-1.5	9.7	11.5	22.2	14.6	2.3	2.0	50.3	52.4	11.0	15.5
Bao Viet Holdings	BVH VN	57,500	42,684	26.6	-1.4	-2.2	5.3	7.7	22.5	18.0	2.0	1.8	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	28,450	136,724	26.8	-1.2	-1.9	9.8	-17.9	9.7	7.3	1.5	1.2	18.2	32.8	15.8	18.1
FPT Corp	FPT VN	86,000	94,344	49.0	-0.2	0.2	2.9	5.5	23.7	17.8	5.2	4.5	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	110,900	212,257	3.0	-1.0	1.3	16.0	15.5	25.5	15.1	4.2	3.6	8.1	68.1	16.8	24.4
Vietnam Rubber Group	GVR VN	25,050	100,200	0.5	-0.8	1.2	18.2	-28.4	24.1	20.5	2.1	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	25,050	50,406	17.2	-0.4	1.4	5.7	-11.9	8.2	7.0	1.7	1.4	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,800	138,392	20.5	-1.2	2.1	6.0	-37.4	4.3	5.0	1.5	1.2	151.5	-14.3	42.8	27.7
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	38,750	27,777	32.1	1.0	0.1	7.5	1.7	23.8	19.9	2.7	2.4	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	27,200	102,770	23.2	-0.5	0.9	8.6	-8.3	8.1	6.6	1.7	1.4	53.0	22.4	23.6	23.7
Masan Group Corp	MSN VN	105,800	150,630	28.8	0.6	1.2	0.9	-8.3	17.5	24.7	4.6	3.9	589.7	-29.2	35.1	17.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	63,600	93,092	49.0	0.5	1.4	-2.2	9.7	18.4	15.0	4.5	3.1	18.2	22.6	27.3	25.7
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	83,200	162,226	5.7	-0.1	2.8	12.7	4.2	45.7	31.4	4.6	4.1	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	53,700	36,067	2.6	-0.2	-0.6	1.7	-21.2	20.0	#N/A	5.1	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	41,950	53,301	17.6	-0.4	0.7	6.6	-22.0	23.5	19.6	2.1	2.1	160.6	19.9	9.7	11.0
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	26,000	54,799	20.5	-0.2	0.2	3.8	-16.0	8.6	6.7	2.2	1.6	39.0	28.7	29.9	28.1
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,950	32,669	2.3	-0.7	-0.4	7.3	24.0	18.4	16.2	1.1	1.0	-24.2	13.7	6.2	6.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	182,000	116,713	62.8	1.0	-0.3	17.3	18.1	33.1	26.4	5.5	5.0	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	24,550	36,583	24.6	-1.0	-1.0	20.3	-33.4	10.1	9.3	1.8	1.4	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	24,900	46,942	22.9	-1.4	-1.4	10.7	-18.6	15.3	14.2	1.4	1.2	30.6	7.4	9.5	11.3
Techcombank	TCB VN	38,800	136,223	22.5	-0.9	1.0	3.3	-25.8	7.6	6.3	1.5	1.2	46.1	19.0	21.7	20.7
Tien Phong Bank	TPB VN	28,300	44,764	30.0	-1.0	-1.7	4.4	6.1	8.8	10.2	1.7	1.4	28.5	-14.0	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	80,500	380,968	23.5	-0.4	-1.8	8.8	3.8	19.2	14.4	3.5	2.7	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	61,300	266,923	23.3	0.7	-0.8	0.5	-31.9	6.8	8.6	2.1	1.8	40.9	-20.5	36.9	21.6
Vingroup JSC	VIC VN	64,800	247,143	12.2	-0.8	-0.9	-7.4	-35.5	#N/A	263.4	2.4	2.4	-145.6	135.9	-2.8	8.4
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	125,400	67,918	16.9	-0.8	-0.9	-1.9	5.6	902.2	44.8	4.0	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	72,500	151,522	54.7	0.7	-0.1	-0.7	-18.9	16.1	16.8	4.6	4.4	-5.3	-4.4	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	30,100	133,809	17.6	-0.5	2.6	5.2	-10.4	11.4	7.0	1.7	1.3	11.6	62.3	17.9	20.3
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,400	64,534	32.1	-0.5	-1.9	5.2	0.2	49.1	28.2	2.1	2.0	-44.8	74.1	4.4	8.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.